

Bản án số: 108/2017/HSST

Ngày: 11 - 8 – 2017

“Án điểm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Chính Nghĩa**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - Ông **Trần Ngọc Chiến**
 - Ông **Lương Công Tuyển**
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hải Lê** – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:*
Bà **Trương Thị Thu Hiền** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 93/2017/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

1./ Họ và tên: **PHẠM DUY K**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 13/9/1983 tại thành phố thành phố P, tỉnh Quảng Ninh; ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ ..., khu THD, phường T, thành phố P, Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Phạm Văn H1, sinh năm 1956; Con bà: Trần Thị T1, sinh năm 1958; Có vợ: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1981 (đã ly hôn); Có 02 con: Con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án: - Năm 2014 bị Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 04/3/2017, hiện tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

2./ Người bị hại: Anh **Mai Đình Đ**, sinh năm 1992; Trú tại: tổ ..., khu S, phường T, thành phố P; Nghề nghiệp: Lao động tự do - Vắng mặt tại phiên tòa.

3./ Nguyên đơn dân sự: Công ty TKV

Địa chỉ: Tổ ..., khu THD, phường T, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Dương Hùng G – Chức vụ: Cán bộ phụ trách phòng Thanh tra – Pháp chế - Kiểm toán nội bộ

Địa chỉ: Tổ ..., khu NT, phường B, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa. (Có đơn xin xử án vắng mặt.)

4./ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: - Anh **Hoàng Lại H1**, sinh năm 1966 ; Trú tại: Tổ ..., khu DN1, phường C, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Bảo vệ Công ty TKV - Vắng mặt tại phiên tòa. (Có đơn xin xử án vắng mặt.)

- Anh **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1981; Trú tại: khu..., phường TR, thành phố P, Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do - Vắng mặt tại phiên tòa. (Có đơn xin xử án vắng mặt.)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Duy K bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04/3/2017, Phạm Duy K đi bộ ngang qua ngôi nhà đang xây dựng của anh Nguyễn Văn N2, thuộc tổ ..., khu S, phường T, thành phố P. Thấy xung quanh không có ai, K nảy sinh ý định vào nhà anh N2 tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. K đi vào phòng khách quan sát thì thấy trên nền nhà phòng vệ sinh ở tầng một có 01 túi xách giả da của anh Mai Đình Đ là người đang xây dựng nhà cho anh N2. K lấy chiếc túi mở ra xem thấy bên trong có 78.000đ (bảy mươi tám nghìn đồng), 01 (một) cục sạc pin dự phòng nhãn hiệu ARUN, 01 (một) chiếc cục sạc gồm cả dây sạc pin nhãn hiệu OPPO, 01 (một) chiếc dây tai nghe một bên nhãn hiệu Sam Sung, 01 (một) chiếc dây tai nghe hai bên nhãn hiệu OPPO, 01 (một) chiếc dây sạc gồm cả cục sạc nhãn hiệu APPLE, 01 (một) chiếc gậy kim loại có đầu nối dùng để hỗ trợ chụp ảnh. K cầm chiếc túi xách có các tài sản nêu trên đi ra đến cửa thì bị chị Lê Thị N3 (trú tại Thôn ĐL, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình) là người làm xây dựng cho nhà anh N2 phát hiện hô hoán rồi cùng một số người xung quanh đuổi theo nhưng không bắt giữ được K. Sau đó, chị N3 kể lại chuyện K trộm cắp tài sản của anh Đ cho anh N2 biết. Anh N2 đã đi tìm gặp K thì K đưa lại túi xách cùng toàn bộ tài sản (trừ số tiền 78.000đ (bảy tám nghìn đồng) đã trộm cắp của anh Đ cho anh N2 rồi cùng anh N2 đi đến gặp anh Đ để xin lỗi. Anh Đ đã đưa K cùng toàn bộ vật chứng đến cơ quan Công an trình báo.

Quá trình điều tra, còn xác định được: Vào khoảng đầu năm 2017, Phạm Duy K thấy ở phân xưởng xây dựng và phục vụ của Công ty TKV, thuộc tổ ..., khu THD, phường T, thành phố P có để 01 (một) máy trộn bê tông cũ đã lâu không sử dụng nên K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. K gặp anh Nguyễn Văn T2 là người thu mua sắt vụn, nói dối anh T2 là K được Công ty TKV thanh lý cho chiếc máy trộn bê tông đã hỏng đang để ở phân xưởng xây dựng và phục vụ của

công ty. Nếu anh T2 muốn mua sẽ để lại cho anh T2 với giá phế liệu. Anh T2 tin nên đã đồng ý mua. Khoảng 13 giờ ngày 25/02/2017, anh T2 đến nhà K để thỏa thuận mua máy. K bảo anh T2 thuê hộ máy cầu để vận chuyển máy trộn bê tông. Anh T2 thuê anh Phạm Tiến D1 (trú tại tổ ..., khu Q, phường CD, thành phố P) điều khiển máy cầu đến khuôn viên của phân xưởng xây dựng và phục vụ công ty TKV vào lúc khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày. Trong lúc anh D1 đang móc cáp vào máy trộn bê tông để cầu máy đi thì anh Hoàng Lại H1 là bảo vệ tại phân xưởng xây dựng và phục vụ công ty TKV đến hỏi K lý do chuyển máy đi. K nói dối anh H1 là K được công ty thanh lý chiếc máy trộn bê tông. Anh H1 liền gọi điện thoại cho anh Nguyễn Thế P phó quản đốc xây dựng và phục vụ công ty TKV để hỏi thì được biết là Công ty chưa thanh lý nên anh H1 không đồng ý cho K chuyển máy đi. Thấy vậy, K hỏi anh H1 xin số điện thoại của anh Phan, rồi gọi điện cho anh P. Anh P hỏi K có việc gì thì K bảo không có việc gì rồi tắt máy điện thoại, nhưng K vẫn cầm máy điện thoại áp vào tai vờ như đang nói chuyện với anh P về việc xin chuyển máy trộn bê tông. Sau đó K cắt điện thoại rồi nói dối anh H1 là P đã đồng ý cho K chuyển máy đi. Anh H1 tin là K nói thật nên đã để K chuyển máy trộn bê tông ra ngoài. K cùng anh T2 đem máy trộn bê tông đến cửa hàng anh T2 ở tổ ..., khu TL2, phường C, thành phố P. Tại đây, anh T2 thỏa thuận với K mua chiếc máy trộn bê tông với giá 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng), trừ đi 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) là tiền anh T2 thuê máy cầu hộ K và 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) tiền K nợ anh T2 từ trước. Còn lại anh T2 đưa cho K 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Đến khoảng 15 giờ 07 phút cùng ngày, anh P gọi điện cho anh H1 thì anh H1 mới biết bị K lừa. Anh H1 đã đến cửa hàng của anh T2 đòi lại chiếc máy trộn bê tông và trình báo sự việc với Công an phường Cẩm Thạch để thu giữ chiếc máy trộn bê tông nói trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 17/5/2017 của Hội đồng định giá sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cẩm Phả kết luận: 01 (Một) chiếc máy trộn bê tông có trọng lượng 500Kg đã han gỉ, không còn hoạt động được, trị giá 2.000.000đ (hai triệu đồng); 01 (một) chiếc túi giả da có chữ PHILONG do Trung Quốc sản xuất đã qua sử dụng giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng); 01 (một) chiếc cục sạc pin dự phòng nhãn hiệu ARUN đã qua sử dụng giá 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng); 01 (một) chiếc cục sạc gồm cả dây sạc pin nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng giá 80.000đ (tám mươi nghìn đồng); 01 (một) chiếc dây tai nghe một bên nhãn hiệu Sam Sung đã qua sử dụng giá 30.000đ (ba mươi nghìn đồng); 01 (một) chiếc dây tai nghe hai bên nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng); 01 (một) chiếc dây sạc gồm cả cục sạc nhãn hiệu APPLE đã qua sử dụng giá 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng); 01 (một) chiếc gậy kim loại có đầu nổi dùng

để hỗ trợ chụp ảnh đã qua sử dụng giá 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản định giá là 2.620.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)

Bản cáo trạng số 101/KSĐT-HS ngày 28/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố Phạm Duy K về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đưa ra những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo; Giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Duy K từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” . Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt: áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Phạm Duy K từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt; áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại tài sản đã trộm cắp cho anh Mai Đình Đ gồm: 01 (một) túi xách màu nâu, dáng đứng có dây đeo nhãn hiệu “cặp túi Phi Long” đã cũ, 01 (một) cục sạc dự phòng nhãn hiệu ARUN màu trắng đã cũ, 01 (một) cục sạc nhãn hiệu OPPO bao gồm cả dây sạc , màu trắng đã cũ, 01 (một) dây tai nghe nhãn hiệu Sam Sung chỉ có một tai nghe đã cũ, 01 (một) dây tai nghe nhãn hiệu OPPO đủ 2 tai nghe màu trắng, đã cũ, 01 (một) dây sạc nhãn hiệu APPLE bao gồm cả cục sạc, màu trắng đã cũ, 01 (một) Gậy kim loại đã qua sử dụng có đầu nối dùng để hỗ trợ chụp ảnh. áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Buộc bị cáo nộp lại sung quỹ Nhà nước số tiền 2.978.000đ (hai triệu chín trăm bảy tám nghìn đồng)

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Duy K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo; Phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, Biên bản định giá tài sản và kết luận số 45/KL-HĐĐGTS ngày 17/5/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự; Phù hợp với bản tường trình và lời khai của người bị hại là anh Mai Đình Đ, của người làm chứng là chị Lê Thị N3 và anh Nguyễn Văn N2 khai báo về hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo; Lời khai nhận

tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Lại H1, Dương Hùng G, Nguyễn Thế P là những người có trách nhiệm quản lý tài sản là chiếc máy trộn bê tông đã bị K lừa nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các anh Nguyễn Văn T2 chủ thu mua sắt vụn, Phạm Tiến D1 lái máy cầu cũng bị K nói dối nhằm che đậy hành vi phạm tội; Lời khai nhận tội lừa đảo chiếm đoạt chiếc máy trộn bê tông của bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người làm chứng là các anh Nguyễn Quốc D2 và Trần Văn Kh và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Việc Phạm Duy K có hành vi gian dối bằng cách nói dối với anh Hoàng Lại H1 là nhân viên bảo vệ tại phân xưởng xây dựng và phục vụ của công ty TKV để chiếm đoạt một chiếc máy trộn bê tông trị giá 2.000.000đ (hai triệu đồng) của Công ty TKV do anh H1 được giao quản lý rồi đem bán cho anh Nguyễn Văn T2 lấy 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) cùng với các chứng cứ đã nêu và các tài liệu do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Văn K phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Việc Phạm Duy K có hành vi đột nhập vào nhà của anh Nguyễn Văn N2 tại tổ ..., khu S, phường T, thành phố P, lén lút lấy đi và 01 (một) chiếc túi giả da của anh Mai Đình Đ, bên trong túi có 78.000đ (bảy mươi tám nghìn đồng), 01 (một) cục sạc pin dự phòng nhãn hiệu ARUN, 01 (một) chiếc cục sạc gồm cả dây sạc pin nhãn hiệu OPPO, 01 (một) chiếc dây tai nghe một bên nhãn hiệu Sam Sung, 01 (một) chiếc dây tai nghe hai bên nhãn hiệu OPPO, 01 (một) chiếc dây sạc gồm cả cục sạc nhãn hiệu APPLE, 01 (một) chiếc gậy kim loại có đầu nối dùng để hỗ trợ chụp ảnh, tổng giá trị tài sản là 698.000đ (sáu trăm chín tám nghìn đồng) cùng với các chứng cứ đã nêu cùng với các tài liệu do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Duy K phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước và công dân về tài sản. Trong khoảng thời gian ngắn, bằng thủ đoạn gian manh và xảo quyệt, bị cáo đã hai lần chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã có một tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải vì vậy Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho cả hai tội. Đại diện nguyên đơn dân sự có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cho tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

+Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền.

+Về vấn đề bồi thường: Đại diện nguyên đơn dân sự là ông Dương Hùng G và người bị hại là anh Mai Đình Đ không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

+Vật chứng vụ án: Chiếc máy trộn bê tông đã được trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập giải quyết. Vật chứng vụ án gồm: 01 (một) túi xách màu nâu, đáng đứng có dây đeo nhãn hiệu “cặp túi Phi Long” đã cũ, 01 (một) cục sạc dự phòng nhãn hiệu ARUN màu trắng đã cũ, 01 (một) cục sạc nhãn hiệu OPPO bao gồm cả dây sạc, màu trắng đã cũ, 01 (một) dây tai nghe nhãn hiệu Sam Sung chỉ có một tai nghe đã cũ, 01 (một) dây tai nghe nhãn hiệu OPPO đủ 2 tai nghe màu trắng, đã cũ, 01 (một) dây sạc nhãn hiệu APPLE bao gồm cả cục sạc, màu trắng đã cũ, 01 (một) Gậy kim loại đã qua sử dụng có đầu nối dùng để hỗ trợ chụp ảnh màu tím, hồng, trắng dài tối đa 74cm khi kéo ra và dài tối thiểu 18cm khi kéo vào. Tất cả những tài sản nêu trên được xác định của người bị hại. Người bị hại có yêu cầu được lấy lại nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền 78.000đ (bảy tám nghìn đồng) người bị hại không yêu cầu nhận lại nhưng bị cáo đã ăn tiêu hết nên phải nộp lại sung quỹ Nhà Nước cùng với số tiền bị cáo đã bán máy trộn bê tông được 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng số tiền bị cáo phải nộp lại sung quỹ Nhà nước là 3.678.000đ (ba triệu sáu trăm bảy tám nghìn đồng)

+Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật

Đối với anh Nguyễn Văn T2 có hành vi mua chiếc máy trộn bê tông của Phạm Duy K và anh Phạm Tiến D1 có hành vi điều khiển máy cẩu vận chuyển máy trộn bê tông nhưng đều không biết tài sản đó do phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Duy K** phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Phạm Duy K 15 (mười lăm) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Phạm Duy K 09 (Chín) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: **24 (Hai mươi bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 04/3/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại cho anh Mai Đình Đ trú tại: Thôn ML, xã VL, huyện H, tỉnh Thái Bình số tài sản gồm: 01 (một) túi xách màu nâu, dáng đứng có dây đeo nhãn hiệu “CẶP TÚI PHI LONG” đã cũ, 01 (một) cục sạc dự phòng nhãn hiệu ARUN màu trắng đã cũ, 01 (một) cục sạc nhãn hiệu OPPO bao gồm cả dây sạc , màu trắng đã cũ, 01 (một) dây tai nghe nhãn hiệu Sam Sung chỉ có một tai nghe đã cũ, 01 (một) dây tai nghe nhãn hiệu OPPO đủ 2 tai nghe màu trắng, đã cũ, 01 (một) dây sạc nhãn hiệu APPLE bao gồm cả cục sạc, màu trắng đã cũ, 01 (một) Gậy kim loại đã qua sử dụng có đầu nối dùng để hỗ trợ chụp ảnh màu tím, hồng, trắng dài tối đa 74cm khi kéo ra và dài tối thiểu 18cm khi kéo vào theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 139/BB-THA ngày 20 tháng 7 năm 2017.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự

Buộc bị cáo nộp lại sung quỹ Nhà nước số tiền 3.678.000đ (Ba triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về án phí, lệ phí

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo. Báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết/.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- CCTHADS thành phố Cẩm Phả;
- Công an thành phố Cẩm Phả;
- Bị cáo; Người bị hại,
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS-VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Chính Nghĩa